

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày 07-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Xuân.

Ông Vy Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Vy Hồng P, sinh ngày 31 tháng 10 năm 1971, tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vy Văn C và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nông Thị T1 và 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2023 đến ngày 11/12/2023 được tại ngoại. Có mặt.

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1984, tại Lạng Sơn. Nơi cư trú: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Y và bà Triệu Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc T2 và 03 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện H.

Người đại diện hợp pháp của UBND xã H: Ông Hoàng Minh T3 - Chức vụ Chủ tịch UBND xã, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H.

Người đại diện hợp pháp của UBND xã Y: Ông Hoàng Trung T4 - Chức vụ Chủ tịch UBND xã, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã H, huyện H.

Người đại diện hợp pháp của UBND xã H: Ông Phùng Văn T5 - Chức vụ Chủ tịch UBND xã, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

4. Ông Hoàng Thanh H1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6. Bà Nông Thị T1, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

7. Ông Hoàng Đức T6, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

8. Ông Hoàng Trung T7, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn D, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

9. Ông Phùng Văn T5, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

10. Ban Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của Ban Q: Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1965 - Chức vụ Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Vy Văn T8, sinh năm 1978. Vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị Mai A, sinh năm 1992. Vắng mặt.

3. Ông Trịnh Văn T9, sinh năm 1977. Vắng mặt.

4. Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1986. Vắng mặt.

5. Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1969. Vắng mặt.

6. Ông Lý Văn H2, sinh năm 1984. Vắng mặt.

7. Ông Hoàng Quốc T10, sinh năm 1977. Vắng mặt.

8. Ông Hoàng Văn G, sinh năm 1987. Vắng mặt.

9. Ông Hoàng Ngọc L1, sinh năm 1962. Vắng mặt.

10. Ông Phùng Văn T11, sinh năm 1981. Vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1967. Vắng mặt.

12. Ông Lê Thái T12, sinh năm 1975. Vắng mặt.

13. Ông Đỗ Quý K, sinh năm 1963. Vắng mặt.

14. Ông Ngô Văn L2, sinh năm 1961. Vắng mặt.

15. Ông Phùng Văn P1, sinh năm 1966. Vắng mặt.
16. Ông Hoàng Văn T13, sinh năm 1982. Vắng mặt.
17. Ông Hoàng Văn L3, sinh năm 1983. Vắng mặt.
18. Ông Lê Quang N1, sinh năm 1982. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

V là công chức Tài chính - Kế toán của UBND xã H ngày 01/10/2019 đến ngày 01/4/2022 thì chuyển đến làm công chức Tài chính - Kế toán tại UBND xã Y, từ ngày 05/8/2022 kiêm nhiệm công tác Tài chính - Kế toán của UBND xã H. Quá trình làm nhiệm vụ kế toán tại các đơn vị trên Vy H có mua vật liệu của Nguyễn Văn H là chủ cơ sở kinh doanh ngành nghề dịch vụ xây dựng, sửa chữa công trình, cất tạo dáng và hoàn thiện đá; mua bán vật liệu xây dựng, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế, đồ nội thất, thiết bị trường học, văn phòng phẩm nên hai bên quen biết nhau.

Quá trình công tác Vy Hồng P nhận thấy một số công trình, vật liệu do UBND xã mua và thuê người địa phương thi công, cung cấp nhưng không xuất được hóa đơn, không thực hiện được thủ tục thanh quyết toán nên nảy sinh ý định mua hóa đơn trái phép để hợp thức chứng từ quyết toán và báo cáo Chủ tịch UBND xã thì được đồng ý. Ngoài ra, còn có Hoàng Thanh H1 - Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế của UBND xã H, trực tiếp trao đổi với Nguyễn Văn H mua 03 hóa đơn, sau đó giao V cung cấp thông tin cho Nguyễn Văn H để hoàn thiện việc mua 03 hóa đơn trên.

V cung cấp thông tin cho Nguyễn Văn H về tên công trình, thời điểm khởi công, hoàn thành, giá cả, địa điểm và một số thông tin cần thiết khác. Sau khi có thông tin Nguyễn Văn H chủ động làm toàn bộ các hồ sơ quyết toán gồm hợp đồng, biên bản bàn giao, biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý, v.v... và chuyển bản giấy cho Vy Hồng P kiểm tra. Khi hồ sơ đúng, đủ thì Vy Hồng P hoàn thiện thủ tục, ký các phần liên quan, nhờ một số người công tác tại UBND xã hoặc Trưởng thôn ký phần người mua hàng, trình Chủ tịch UBND xã duyệt sau đó chuyển Kho bạc Nhà nước để chuyển tiền cho Nguyễn Văn H. Sau khi nhận được tiền Nguyễn Văn H giữ lại số tiền thuế phải nộp và tiền thu lợi, chuyển cho P hoặc Chủ tịch UBND xã phần còn lại. Nhận được tiền Vy Hồng P trả cho những người thực tế đã thuê thi công, mua vật liệu. Trên cơ sở kết quả điều tra và Báo cáo kết luận của Giám định viên tư pháp, xác định hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

I. Hành vi Mua bán trái phép hóa đơn.

Trong thời gian từ năm 2020 đến 2022, Nguyễn Văn H đã bán 15 hóa đơn, có ghi nội dung nhưng không xuất hàng hóa cho Vy Hồng P, với tổng số tiền 478.083.400 đồng, thu lợi bất chính 34.057.647 đồng, cụ thể như sau:

1. Bán hóa đơn cho UBND xã H.

Hóa đơn Vy Hồng P trực tiếp liên hệ với Nguyễn Văn H để mua:

- Hóa đơn số 0087058 ngày 25/12/2020, nội dung thi công xây dựng công trình sửa chữa nhà Ban quản lý chợ xã H, số tiền 51.600.000 đồng. Nguyễn Văn H nộp thuế 2.322.000 đồng, chuyển cho V 46.500.000 đồng, thu lợi bất chính 2.778.000 đồng.

- Hóa đơn số 0060500 ngày 06/10/2021, nội dung thi công xây dựng công trình mở rộng diện tích khu đất trụ sở UBND xã H, số tiền 60.848.000 đồng. Nguyễn Văn H nộp thuế 2.738.160 đồng, chuyển cho V 55.000.000 đồng, thu lợi bất chính 3.109.840 đồng.

- Hóa đơn số 0073563 ngày 18/11/2021, nội dung bán đá Base B, số tiền 18.000.000 đồng. Nguyễn Văn H nộp thuế 270.000 đồng.

- Hóa đơn số 0073567 ngày 25/11/2021, nội dung thi công xây dựng công trình sửa chữa nhà Ban quản lý chợ xã H, số tiền 14.600.000 đồng. Nguyễn Văn H nộp thuế 657.000 đồng.

Đối với 02 hóa đơn trên, do số lượng tiền nhỏ, thời gian gần nhau nên H chưa chuyển lại tiền ngay cho P.

- Hóa đơn số 0073582 ngày 28/12/2021, nội dung thi công xây dựng công trình san lấp mặt bằng để xây dựng nhà văn hóa thôn Đ, xã H, số tiền 87.833.000 đồng. Nguyễn Văn H nộp thuế 3.952.485 đồng, chuyển cho V 79.000.000 đồng, thu lợi bất chính 4.880.515 đồng.

Hóa đơn do Hoàng Thanh H1 liên hệ mua sau đó giao V cung cấp thông tin cho Nguyễn Văn H để hoàn thiện

- Hóa đơn số 0089530 ngày 12/11/2020, nội dung bán cát bê tông, đá 1cm x 2cm, xi măng, số tiền 4.000.000 đồng, nộp thuế 60.000 đồng.

- Hóa đơn số 0089532 ngày 18/11/2020, nội dung bán cống bê tông D400, đá Base loại 2, số tiền 18.000.000 đồng, nộp thuế 270.000 đồng.

Đối với 02 hóa đơn trên Nguyễn Văn H chuyển cho V 20.000.000 đồng, thu lợi bất chính 1.670.000 đồng.

- Hóa đơn số 0073561 ngày 10/11/2021, nội dung bán cống bê tông cốt thép D400, số tiền 4.000.000 đồng. Nguyễn Văn H nộp thuế 60.000 đồng; gộp với hóa đơn số 0073563 và 0073567 chuyển cho P 33.000.000 đồng, thu lợi bất chính 2.613.000 đồng.

2. Bán hóa đơn cho UBND xã Y.

- Hóa đơn số 00000059 ngày 26/12/2022, nội dung bán cát xây, xi măng PCB 40, số tiền 40.000.000 đồng. Nguyễn Văn H nộp thuế 600.000 đồng, chuyển cho V 35.800.000 đồng, thu lợi bất chính 3.600.000 đồng.

- Hóa đơn số 00000060 ngày 26/12/2022, nội dung bán cát vàng, đá 1 x 2, số tiền 31.000.000 đồng. Nguyễn Văn H nộp thuế 465.000 đồng.

- Hóa đơn số 00000061 ngày 26/12/2022, nội dung bán cống bê tông D400, số tiền 5.000.000 đồng. Nguyễn Văn H nộp thuế 225.000 đồng.

- Hóa đơn số 00000065 ngày 27/12/2022, nội dung bán gạch lát nền A1, số tiền 12.000.000 đồng. Nguyễn Văn H nộp thuế 180.000 đồng.

- Hóa đơn số 00000072 ngày 28/12/2022, nội dung thi công xây dựng công trình vệ sinh, sơn sửa lại mái nhà làm việc 2 tầng và lợp mái nhà xe UBND xã Y, số tiền 49.260.000 đồng, nộp thuế 2.216.700 đồng.

- Hóa đơn số 00000079 ngày 29/12/2022, nội dung bán cửa kính khung nhôm số lượng 14 bộ dài 1,7m, rộng 1,6m, số tiền 48.742.400 đồng. Nguyễn Văn H nộp thuế 2.193.408 đồng.

Đối với 05 hoá đơn trên, H chuyển cho P 127.022.000 đồng, thu lợi bất chính 13.700.292 đồng.

3. Bán hóa đơn cho UBND xã H

Hóa đơn số 00000062 ngày 26/12/2022, nội dung thi công xây dựng công trình làm mái nhà xe UBND xã H, số tiền 33.200.000 đồng. Nguyễn Văn H nộp thuế 1.494.000 đồng, chuyển cho Phùng Văn T5 Chủ tịch UBND xã H 30.000.000 đồng, thu lợi bất chính 1.706.000 đồng.

II. Hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ

Vy Hồng P vì vụ lợi nên đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn là kế toán của đơn vị làm trái công vụ để hưởng lợi số tiền ngân sách nhà nước của UBND xã H qua việc lập hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán khống đối với 03 hóa đơn trong tổng số 15 hóa đơn nêu trên, cụ thể:

1. Hóa đơn số 0060500 ngày 06/10/2021, nội dung thi công xây dựng công trình mở rộng diện tích khu đất trụ sở UBND xã H, số tiền 60.848.000 đồng.

2. Hóa đơn số 0073567 ngày 25/11/2021, nội dung thi công xây dựng công trình sửa chữa nhà Ban quản lý chợ xã H, số tiền 14.600.000 đồng.

3. Hóa đơn số 0073582 ngày 28/12/2021, nội dung thi công xây dựng công trình san lấp mặt bằng để xây dựng nhà văn hóa thôn Đ, xã H, số tiền 87.833.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền từ Nguyễn Văn H, Vy Hồng P đưa cho ông Hoàng Đức T6 - Chủ tịch UBND xã H 90.000.000 đồng, giữ lại 57.140.000 đồng. V sử dụng 10.620.000 đồng chi cho các hoạt động của UBND xã H, đến khoảng tháng 01/2022 thì tiêu xài cá nhân hết 46.520.000 đồng còn lại. Sau nhiều lần ông Hoàng Đức T6 yêu cầu thì P thừa nhận đã sử dụng cá nhân, đến ngày 16/11/2022, P lấy tiền cá nhân đưa cho ông T6 20.000.000 đồng, ngày 10/5/2023 là 6.550.000 đồng.

Tổng số tiền ông Hoàng Đức T6 nhận của V là 116.550.000 đồng, sau đó được sự thống nhất của Thường trực Đảng ủy xã H đã chi hết cho các nhiệm vụ chung của UBND xã.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực tài chính ngày 20/12/2023, của giám định viên tư pháp theo vụ việc của Sở Tài chính tỉnh L, kết luận đối với các hóa đơn số 0060500, 0073567 và 0073582: Số tiền chi ngân sách nhà nước của UBND xã H đầy đủ chứng từ, đủ điều kiện thanh toán là 163.281.000 đồng (gồm toàn bộ số tiền của 03 hóa đơn). Số tiền chi ngân sách nhà nước của UBND xã H không đúng đối tượng (nhiệm vụ chi) là 163.281.000 đồng (gồm toàn bộ số tiền của 03 hóa đơn).

Với nội dung như trên Cáo trạng số: 13/CT-VKSHL ngày 17 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, đã truy tố bị cáo Vy Hồng P về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự và tội Mua bán trái phép hoá đơn theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội Mua bán trái phép hóa đơn quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vy Hồng P phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và tội Mua bán trái phép hoá đơn; bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn. Đối với bị cáo Vy Hồng P, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt từ 09 - 12 tháng tù đối với tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; xử phạt từ 06 - 09 tháng tù đối với tội Mua bán trái phép hoá đơn; áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội từ 15 - 21 tháng tù và trừ đi thời hạn tạm giam; phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề kế toán từ 01-02 năm. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 203; các điểm b, i, s, khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 35, 50, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt tiền từ 90 - 100 triệu đồng. Đối với tội Mua bán trái phép hoá đơn không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách số tiền bị cáo Vy Hồng P nộp khắc phục hậu quả 19.970.000 đồng, số tiền thu lợi bị cáo Nguyễn Văn H nộp 34.057.647 đồng và 01 máy tính, 02 điện thoại di động là công cụ phương tiện phạm tội. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định tư pháp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận:

[3] Vy H trong thời gian là công chức Tài chính - Kế toán của UBND xã H, UBND xã Y và UBND xã H, vì một số công trình, vật liệu do UBND xã mua, thuê người địa phương thi công, cung cấp nhưng không xuất được hóa đơn, không thực hiện được thủ tục thanh quyết toán nên từ năm 2020 đến 2022, Vy Hồng P đã mua của Nguyễn Văn H là chủ cơ sở kinh doanh 15 hóa đơn ghi đầy đủ nội dung nhưng không xuất hàng hóa, để hợp thức chứng từ quyết toán tổng số tiền 478.083.400 đồng, Nguyễn Văn H thu lợi 34.057.647 đồng.

[4] Trong năm 2021, Vy vì vụ lợi đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn là kế toán của đơn vị làm trái công vụ trong việc lập chứng từ thanh quyết toán không của 03 hóa đơn trong tổng số 15 hóa đơn nêu trên, để hưởng lợi số tiền 46.520.000 đồng của ngân sách nhà nước.

[5] Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Vy Hồng P về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự và tội Mua bán trái phép hóa đơn theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, cũng như trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, tài chính, đồng thời ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan Nhà nước nói chung, gây dư luận xấu. Do vậy, hành vi của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm. Đối với tội Mua bán trái phép hóa đơn xét thấy có đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn trong đó vai trò của các bị cáo là như nhau.

[7] Xét về nhân thân, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra các bị cáo tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền do phạm tội mà có để khắc phục hậu quả nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Vy Hồng P có bố, mẹ đẻ được tặng thưởng Huân chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[8] Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân và đề nghị mức hình phạt tù đối với bị cáo Vy Hồng P, xử phạt tiền đối với bị cáo

Nguyễn Văn H là phù hợp để cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đồng thời đảm bảo tính chất rắn đẽ, giáo dục và phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo Vy Hồng P trong một thời hạn nhất định theo khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự. Đối với tội Mua bán trái phép hoá đơn không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo nộp khắc phục hậu quả và 01 máy tính, 02 điện thoại di động là công cụ phương tiện phạm tội.

[11] Ông Hoàng Thanh H1 Phó Chủ tịch UBND xã H, trực tiếp liên hệ với Nguyễn Văn H mua 03 hóa đơn và giao cho Vy Hồng P để hoàn thiện; ông Hoàng Đức T6 Chủ tịch UBND xã H, giao cho Vy Hồng P thực hiện việc hợp thức hóa đơn, chứng từ thanh toán 08 hóa đơn không; ông H4 Trung Tá Chủ tịch UBND xã Y giao Vy H thực hiện việc hợp thức hóa đơn thanh toán 05 hóa đơn không của UBND xã Y; ông Phùng Văn T5 Chủ tịch UBND xã H, giao V thực hiện việc hợp thức hóa đơn thanh toán 01 hóa đơn không của UBND xã H và nhận tiền do Nguyễn Văn H chuyển lại. Tuy nhiên, ông H1, ông T6, ông T7, ông T5 thực hiện công việc vì mục đích chung của UBND xã, được Thường trực Đảng ủy nhất trí, không có yếu tố vụ lợi, không biết Vy Hồng P chiếm đoạt tiền ngân sách; đồng ý giao cho Vy Hồng P mua hóa đơn nhưng đều dưới 10 số (10 hoá đơn) nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.

[12] Ban Q thực hiện chính sách hỗ trợ thôn, bản vùng đệm rừng đặc dụng năm 2022, cho thôn T, xã Y 40.000.000 đồng. Sau khi thi công xong công trình U chứng từ thanh toán, chuyển đến Ban Q để thực hiện thủ tục rút tiền, do vậy ông Phạm Văn C1 Giám đốc và ông Đặng Đình D kế toán của Ban quản lý rừng không biết việc Vy Hồng P mua bán hóa đơn không để rút tiền nên không có lỗi, không đặt vấn đề xử lý.

[13] Ông Vy Văn T8 là công chức Văn phòng Thống kê UBND xã H; bà Hoàng Thị Mai A là công chức Văn phòng Thống kê UBND xã Y; ông Phùng Văn P1 là Trưởng thôn T, xã Y; ông Ngô Văn L2 Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn G, xã Y; ông Trịnh Văn T9 là công chức Văn phòng Thống kê UBND xã H. Do Vy Hồng P yêu cầu ký để hoàn thiện chứng từ nhưng không biết hành vi mua bán trái phép hóa đơn, chiếm đoạt tiền ngân sách nên không đặt vấn đề xử lý.

[14] Bà Nguyễn Thị Ngọc T2 là vợ của Nguyễn Văn H, trực tiếp viết thông tin tại 15 tờ hóa đơn và cho H 02 lần sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để chuyển tiền cho Vy Hồng P, nhưng bà T2 không biết các bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn nên không đặt vấn đề xử lý.

[15] Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[16] Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 203, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; khoản 1, 4 Điều 356, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 55 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Vy Hồng P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 203, điểm b, i, s, khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vy Hồng P phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và tội Mua bán trái phép hoá đơn; bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội Mua bán trái phép hóa đơn.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Vy Hồng P, 09 (chín) tháng tù về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và 06 (sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép hoá đơn. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo phải chịu là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 88 (tám mươi tám) ngày.

Cấm bị cáo Vy Hồng P đảm nhiệm nhiệm vụ kế toán trong thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.2. Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn H số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 19.970.000 đồng (mười chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) bị cáo Vy Hồng P nộp khắc phục hậu quả; số tiền 34.057.647 đồng (ba mươi tư triệu không trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng) thu lợi của bị cáo Nguyễn Văn H; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Lenovo; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 9.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, chi tiết các vật chứng mô tả theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 19 tháng 01 năm 2024. Số tiền 54.027.647 đồng đã nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, theo Ủy nhiệm chi ngày 19/01/2024, do Công an huyện H nộp)

4. Về án phí: Các bị cáo Vy Hồng P, Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Hải Đoàn